

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU
TƯ QH LAND THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/CV
V/v đề nghị đăng tải thông tin tham vấn
đánh giá tác động môi trường của Dự
án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ
tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Thanh
Tân (Phần mở rộng), huyện Kiến
Xương.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 7 năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: <u>1889</u>
	Ngày: <u>18</u> / <u>7</u> / <u>2025</u>
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Sở nông nghiệp và Môi trường tỉnh ~~Hưng Yên~~

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Công ty Công ty Cổ phần đầu tư QH Land Thái Bình đã thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Thanh Tân (Phần mở rộng), huyện Kiến Xương.

Công ty Cổ phần đầu tư QH Land Thái Bình gửi đến Sở nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên báo cáo đánh giá tác động môi trường và nội dung tham vấn của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Thanh Tân (Phần mở rộng), huyện Kiến Xương để được đăng tải thông tin tham vấn của dự án đến các đối tượng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ý kiến tham vấn của Sở nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về các nội dung nêu trên xin gửi về Công ty Cổ phần đầu tư QH Land Thái Bình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn để Công ty hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QH
LAND THÁI BÌNH**



GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Thanh Tân (Phân mở rộng), huyện Kiến Xương.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (nay là xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên).

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần đầu tư QH Land Thái Bình.

Đại diện: Ông Phạm Việt Cường

Chức vụ: Giám đốc

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

** Phạm vi thực hiện dự án:*

- Địa chỉ thực hiện dự án: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (nay là xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên).

- Vị trí, ranh giới dự án:

+ Phía Tây Nam: Giáp đường huyện ĐH.15 huyện Kiến Xương (nay thuộc xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên);

+ Phía Đông Bắc: Giáp đường trục xã Thanh Tân (nay là xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên);

+ Phía Đông Nam: Giáp nhánh kênh T7, đất nông nghiệp thôn An Cơ Đông và cánh đồng Ba Lai Nội;

+ Phía Tây Bắc: Giáp đường bê tông, đất trồng lúa thôn An Cơ Bắc.

** Quy mô của dự án:*

- Tổng diện tích đất thực hiện dự án là: 643.145,6 m², cụ thể:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)		
			Giai đoạn I	Giai đoạn II	Tổng cộng
1	Đất công nghiệp		154.551,8	318.079,3	472.631,1

-	Đất công nghiệp 1	CN-1	154.551,8	-	
-	Đất công nghiệp 2	CN-2	-	41.356	
-	Đất công nghiệp 3	CN-3	-	136.383,6	
-	Đất công nghiệp 4	CN-4	-	52.876,2	
-	Đất công nghiệp 5	CN-5	-	87.463,5	
2	Đất dịch vụ công nghiệp	DVCN	8.630	3.250	11.880
3	Đất đầu mối kỹ thuật, Trạm xử lý nước thải	HTKT	6.500	-	6.500
4	Đất cây xanh, mặt nước		6.908	62.718	69.626
	Đất cây xanh 1	CX1	1.206,8	-	
	Đất cây xanh 2	CX2	5.701,2	-	
	Đất cây xanh 3	CX3	-	6.466,7	
	Đất cây xanh 4	CX4	-	18.012,1	
	Đất cây xanh 5	CX5	-	29.310,4	
	Mương hoàn trả	MN	-	8.928,8	
5	Đất giao thông nội bộ		30.148,3	52.360,2	85.508,5
	Tổng diện tích		206.738,1	436.407,5	643.145,6

1.3. Công nghệ sản xuất:

Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Tân (Phần mở rộng), huyện Kiến Xương” là dự án thuộc nhóm các dự án về xây dựng, không phải thuộc nhóm dự án sản xuất do đó không có công nghệ sản xuất. Công nghệ vận hành của Dự án chỉ bao gồm các hoạt động vận hành, sửa chữa, duy tu hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hoạt động của khu nhà điều hành để đáp ứng cho các nhà đầu tư thứ cấp vào hoạt động tại CCN (trong đó đặc biệt là quá trình vận hành hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

a) Các hạng mục công trình của dự án:

- San nền:

- + Thiết kế san nền đảm bảo khớp nối với khu vực hiện trạng xung quanh.
- + Thiết kế san nền đảm bảo thoát nước triệt để theo nguyên tắc tự chảy.
- + Tổ chức hài hoà giữa địa hình và thoát nước đảm bảo khu vực nghiên cứu thoát nước tốt, tránh ngập úng.
- + Kết hợp giải pháp san nền với kiến trúc cảnh quan tạo không gian hài hoà, đồng thời đảm bảo thuận lợi cho việc xây dựng công trình, tránh đào đắp lớn.

+ Hệ số $K = 0,85$

+ Vật liệu san nền cát đen.

- *Giao thông:*

a. Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường ĐH.15: Lòng đường dải nhựa hiện trạng rộng 6,0m, là tuyến giao thông đối ngoại của cụm công nghiệp.

b. Hệ thống giao thông quy hoạch:

* Các tuyến đường giao thông trong khu vực lập quy hoạch:

- Đường quy hoạch số 1: là đường quy hoạch chính nối từ đường huyện ĐH.15 vào Cụm công nghiệp; mặt cắt quy hoạch 20,5m (5+10,5+5)m gồm lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m;

- Đường quy hoạch số 2: là tuyến đường gom phía bên trong Cụm công nghiệp, song song với đường huyện ĐH.15 có mặt cắt rộng 17,5m (2+10,5+5)m gồm lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè phía đất dịch vụ công nghiệp rộng 5m và vỉa hè phía giáp hành lang ĐH.15 rộng 2m;

- Đường quy hoạch số 3: là tuyến đường vuông góc với đường quy hoạch số 1, có mặt cắt 17,5m (5+7,5+5) gồm lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m.

- Đường quy hoạch số 4: là tuyến đường nhánh cụm công nghiệp, song song với tuyến đường quy hoạch số 1, có mặt cắt 20,5m (5+10,5+5)m gồm lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m.

- Đường quy hoạch số 5: là tuyến đường nhánh ranh giới giai đoạn 1 và giai đoạn 2, có mặt cắt 17,5m (5+7,5+5)m gồm lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m;

- Đường quy hoạch số 6: là tuyến đường nhánh cụm công nghiệp ở phía Bắc khu đất, mặt cắt 20,5m (5+10,5+5) gồm lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m;

- Đường quy hoạch số 7: là tuyến đường nhánh nối từ đường quy hoạch số 5 đến đường quy hoạch số 6, mặt cắt 17,5m (5+7,5+5)m gồm lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m;

- Đường quản lý chạy xung quanh đất công nghiệp CN-5, và phía sau đất công nghiệp 2 CN-2 rộng 5m, không bố trí vỉa hè.

c. Điểm đầu nối: Đề xuất tổ chức 01 điểm đầu nối với đường huyện ĐH.15 tại đầu đường quy hoạch số 1.

- *Hệ thống thoát nước mưa:* Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa từ các doanh nghiệp rơi trên lưu vực được chảy xuống mặt đường, theo độ dốc ngang mặt đường thu về các hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, thoát nước mưa của CCN. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của CCN được xây dựng dưới vỉa hè và đồng bộ với tuyến đường giao thông. Sử dụng cống hộp BTCT kích thước B800 x H1000, B600 x H800. Trên đường thoát nước mưa bố trí các hố ga thu gom. Sau đó nước mưa chảy tràn được thoát ra kênh T7 qua 01 cửa xả.

- *Hệ thống thu gom thoát nước thải:*

+ Hệ thống thu gom nước thải được phân dòng và tách riêng với nước mưa chảy tràn. Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp, cơ sở (phần hiện trạng) đã được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải; Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN (phần mở rộng) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối; Nước thải từ khu nhà điều hành; Nước thải từ trạm xử lý nước thải tập trung CCN. Tổng lượng nước thải phát sinh giai đoạn I khoảng 372,68 m³/ngày đêm, được thu gom theo các đường ống cống D300 dài 600m, D400 dài 2.000m, độ dốc $i=0,15\%$ và 300 hố ga; Nước thải phát sinh giai đoạn II khoảng 641,55 m³/ngày đêm được thu gom bằng hệ thống cống D300 dài 1.400 m; cống D400 dài 3.000 m, độ dốc $i=0,15\%$, và 700 hố ga dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung CCN.

+ Nước thải Trạm XLNT xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT Cột A giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý được chảy theo đường cống D400 thoát ra kênh T7 có tọa độ (m) = 3360524.11, Y(m) = 597062.54 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

Quy trình xử lý: Nước thải từ CCN → Bể gom → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể khuấy trộn A/Bể khuấy trộn B → Bể đông tụ A/Bể đông tụ B → Bể keo tụ A/Bể keo tụ B → Bể lắng sơ cấp A/Bể lắng sơ cấp B → Bể anoxi A/Bể anoxic B → Bể MBBR (Biochip) A/ Bể MBBR (Biochip) B → Bể Aeroten A/Bể Aeroten B → Bể lắng thứ cấp A/Bể lắng thứ cấp B → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận (kênh T7).

- *Hệ thống cấp nước:*

Căn cứ Bảng 2 Mục 5.1.2 TCVN 13606:2023, tiêu chuẩn dùng nước như sau:

Bảng tính toán nhu cầu dùng nước							
Stt	Loại đất	Diện tích ô đất (m ²)		Chỉ tiêu cấp nước	Đơn vị tính	Lượng nước yêu cầu qtb (m3/ng.đ)	
		Giai đoạn I	Giai đoạn II			Giai đoạn I	Giai đoạn II
1	Đất công nghiệp	154.551,8	318.079,3	20	m ³ /ha/ng.đ	309,1	636,16
2	Đất dịch vụ công nghiệp	8.630	3.250	2	Lít/m ² sàn-ng.đ	17,26	6,5
3	Đất cây xanh	6.908	62.718	3	Lít/m ² -ng.đ	20,72	188,15
4	Đất giao thông	30.148,3	52.360,2	0,5	Lít/m ² -ng.đ	15,07	26,18
5	Đất khu kỹ thuật, xử lý nước thải	4% f _q				14,49	34,28
6	Nước dự phòng	Q _{dp} = 15%				56,5	133,7
	Qtổng					433,14	1.027,97

Nguồn nước cấp: Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch được lấy từ đường ống cấp nước hiện có trên tuyến đường huyện ĐH.15 do Công ty cổ phần Bitexco Nam Long quản lý khai thác.

* Mạng lưới cấp nước:

- Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước cho toàn bộ khu vực quy hoạch dạng mạng vòng kết hợp nhánh cụt để bảo đảm cấp nước an toàn và ổn định cho cụm công nghiệp. Các tuyến ống phân phối chính sử dụng ống HDPE có kích thước từ D(110÷150)mm đảm bảo đủ lưu lượng và áp lực trong giờ dùng nước lớn nhất và có cháy.

+ Các tuyến ống cấp nước phân phối được đặt dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống trung bình từ 0,5 - 1,0m tính đến đỉnh ống.

+ Các đoạn ống băng qua đường sẽ sử dụng ống lồng thép có đường kính lớn hơn đường kính ống cấp nước một cấp để bảo vệ ống băng qua đường.

+ Khi ống cấp nước giao cắt với các đường ống kỹ thuật khác như ống thoát nước mưa, thoát nước thải thì ống cấp nước được nâng lên hoặc chìm xuống cục bộ lên trên hoặc dưới các ống kỹ thuật đó và được bọc xung quanh bằng các lớp vật liệu chống ăn mòn vật liệu ống nếu cần thiết, và được bảo vệ khỏi tải trọng bề mặt bằng các ống lồng thép để bảo vệ ống.

+ Trên các tuyến ống phân phối bố trí lắp đặt tê chờ tại những vị trí lấy nước đưa vào các khu xây dựng.

- Cấp nước cứu hỏa:

+ Nước cấp cho cứu hỏa được lấy từ hồ nước cứu hỏa thông qua trạm bơm và hệ thống đường ống có đường kính D110-D150.

+ Các họng cứu hỏa được đầu nối với các tuyến ống cấp nước từ trạm bơm tại các nút giao lộ; khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng từ 60-:- 100m.

+ Trong các công trình, tùy theo tính chất và quy mô từng công trình cần có các giải pháp chữa cháy riêng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- *Hệ thống cấp điện:* Căn cứ tại Mục 2.14 - QCVN 01:2021/BXD, nhu cầu sử dụng điện của dự án trong giai đoạn hoạt động được thể hiện ở bảng sau:

Bảng tính toán công suất phụ tải và chọn công suất trạm biến áp								
Stt	Loại đất	Diện tích ô đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Chỉ tiêu cấp điện	Đơn vị tính	Hệ số k đồng thời	Hệ số cosφ	Công suất (kva)
1	Đất công nghiệp (trạm riêng)	472.631,1	-	200	Kw/ha	0,75	0,8	8.861,8
2	Đất khu kỹ thuật, xử lý nước thải (trạm riêng)	6.500,0	-	-	-	-	-	1.329,3
3	Đất khu dịch vụ - điều hành	11.880,0	13.068,0	0,03	Kw/m2 sàn xd	0,75	0,8	367,5
4	Đất cây xanh	60.697,2	-	25	Kw/ha	1	0,8	189,7
5	Đất giao thông	82.508,5	-	12	Kw/ha	1	0,8	123,8
6	Điện dự phòng	20%						136,2
Tổng trạm cấp điện chiếu sáng + dịch vụ								817,2
Tổng nhu cầu dùng điện của cụm công nghiệp thanh tân (mở rộng)								11.008,3

- Nguồn cung cấp điện:

Nguồn điện cấp cho cụm công nghiệp Thanh Tân được lấy từ đường dây 22KV hiện có chạy qua khu vực lập quy hoạch ở vị trí khu đất xây dựng giai đoạn 2.

- Dịch chuyển đường dây 22KV hiện có chạy qua khu vực quy hoạch theo tuyến đường quy hoạch số 4, số 6, số 7.

- Xây dựng đường điện 22KV trên không đi nổi qua khu vực các lô đất công nghiệp bằng các cột điện bê tông li tâm, phục vụ cầu đầu vào trạm biến áp riêng của từng nhà máy phục vụ sản xuất công nghiệp.

- Các tuyến cáp điện 0,4KV là cáp ngầm sử dụng cáp CU/XLPE 1KV luôn trong ống PVC chịu lực, chôn ngầm trong đất không thấp hơn 50cm

* Trạm biến áp 22/0,4KV:

Đối với mỗi ô đất đã được quy hoạch xây dựng nhà máy công nghiệp sẽ xây dựng các trạm biến áp riêng cho mỗi nhà máy, công trình. Công suất mỗi trạm phụ thuộc vào dây chuyền sản xuất và nhu cầu sử dụng điện của các nhà máy, xí nghiệp. Vị trí trạm biến áp được lựa chọn xây hoặc trạm biến áp treo trên cột trong các ô đất, trong vườn cây hoặc sân nhà máy.

- Xây dựng mới 01 Trạm biến áp 22/0,4kV cấp điện cho hệ thống chiếu sáng trong cụm, khu đất dịch vụ công nghiệp và khu xử lý nước thải tập trung.

- Trạm biến áp sử dụng loại trạm tích hợp hoặc trạm trụ một cột.

* Lưới điện chiếu sáng:

- Lưới điện chiếu sáng được điều khiển bởi hệ thống các tủ điện chiếu sáng.

- Cáp điện dùng trong hệ thống đèn đường là loại cáp CU/XLPE 0,3/1KV luôn trong ống PVC chịu lực chôn ngầm trong đất. Đèn đường là loại đèn led tiết kiệm điện công suất P=120/250, cột đèn chiếu sáng loại cột thép cao từ 7 đến 10m, có khoảng cách trung bình 30m/cột chạy dọc trên các tuyến đường.

- *Cây xanh:*

Cây trồng sử dụng các loại cây thuộc Danh mục cây khuyến khích trồng khuyến khích trồng đảm bảo phù hợp với khí hậu của địa phương.

- *Rác thải.*

- Rác thải phải được phân loại ngay trong từng Nhà máy; Rác thải công nghiệp được phân loại và xử lý đúng quy định của Nhà nước; Rác thải sinh hoạt được thu gom trong ngày đưa về khu xử lý tập trung của xã.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 598.344,5 m².

Chiếm dụng đất nông nghiệp: Chiếm dụng vĩnh viễn 598.344,5 m² đất trồng lúa. Trong số các hộ bị mất đất tại khu đất dự án có tỷ lệ hộ sống phụ thuộc vào

diện tích đất nông nghiệp là 40%, chủ yếu là các lao động trung niên hoặc đã hết độ tuổi lao động, 60% còn lại là các lao động trẻ, buôn bán nhỏ lẻ hoặc làm công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn, việc trồng cây chỉ là công việc phụ để tăng thêm thu nhập cho bản thân và gia đình. Như vậy khi bị chiếm dụng đất nông nghiệp thì khả năng chuyển đổi nghề nghiệp lao động của địa phương là tương đối thuận lợi.

2. Các nội dung tham vấn:

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Vị trí, ranh giới dự án:

+ Phía Tây Nam: Giáp đường huyện ĐH.15 huyện Kiến Xương (nay thuộc xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên);

+ Phía Đông Bắc: Giáp đường trục xã Thanh Tân (nay là xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên);

+ Phía Đông Nam: Giáp nhánh kênh T7, đất nông nghiệp thôn An Cơ Đông và cánh đồng Ba Lai Nội;

+ Phía Tây Bắc: Giáp đường bê tông, đất trồng lúa thôn An Cơ Bắc.

- Hiện trạng sử dụng đất:

Khu vực thực hiện dự án có diện tích 643.145,6 m² nằm trong địa giới hành chính xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên. Trong phạm vi quy hoạch chủ yếu là đất nông nghiệp trồng lúa của các hộ dân.

Theo bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá khu đất xây dựng, hiện trạng sử dụng đất như sau:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)		Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
		Giai đoạn I	Giai đoạn II		
1	Đất nông nghiệp, trồng lúa	187.452,9	410.891,60	598.344,5	93,03
2	Đất thủy lợi	6.314,6	18.980,1	25.294,7	3,93
3	Đất giao thông nội đồng	12.960,0	4.196,4	17.156,4	2,67
4	Đất nghĩa trang	10,6	2.339,4	2.350,0	0,37
	Tổng diện tích	206.738,1	436.407,5	643.145,6	100,0

* *Hiện trạng về kiến trúc cảnh quan:*

Khu vực quy hoạch nằm giáp với các khu dân cư hiện có chủ yếu là các công trình nhà dân kiên cố chiều cao từ 1 – 3 tầng. Kiến trúc chung là nhà ống cao tầng và nhà ngang kết hợp sân vườn nông thôn.

** Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường:*

- Giao thông:

+ Tuyến đường huyện ĐH.15: Tuyến đường đã nâng cấp mở rộng, chạy qua khu đất. Là tuyến đường kết nối các xã khu vực phía Bắc xã đến trung tâm xã Kiến Xương. Lòng đường hiện có và đang mở rộng có bề rộng khoảng 8m, các công trình, hạng mục trên tuyến đang được nâng cấp, đảm bảo phương tiện lưu thông vận chuyển hàng hoá đi hướng Phường Thái Bình cũng như đi hướng Quốc lộ 37B đi Hải Phòng.

+ Tuyến đường trục xã: Tuyến đường chạy qua phía Đông Bắc khu đất. Là tuyến đường liên xã, lòng đường hiện có 5,5m.

+ Tuyến đường Quốc lộ 37B: Nằm về phía Đông, hướng đi xã Kiến Xương, cách khu vực dự án khoảng 5,0km. Đây là tuyến đường chính của xã Kiến Xương, nối đi các thành phố và các tỉnh lân cận Hải Phòng, Ninh Bình.

+ Trong khu vực còn có hệ thống đường liên xã với các tuyến đường đảm bảo giao thông cho dân cư. Ngoài ra là các tuyến nhỏ, bờ vùng, bờ thửa phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Hệ thống cấp điện:

Đường điện 22KV chạy ngang phía sau khu đất, đảm bảo cung cấp điện cho cụm công nghiệp sau khi mở rộng.

- Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước sạch cung cấp cho hoạt động của Cụm công nghiệp được lấy từ mạng lưới đường ống của Công ty CP Bitexco Nam Long.

- Hệ thống thoát nước:

+ Trong khu vực quy hoạch có hệ thống mương máng nội đồng và kênh T7, đảm nhiệm vai trò thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt của khu dân cư và phục vụ sản xuất nông nghiệp cho toàn bộ đất nông nghiệp trong khu vực.

+ Hướng thoát nước từ phía Bắc xuống phía Nam, phía Tây sang phía Đông.

- Vệ sinh môi trường:

- Rác thải từ các khu dân cư phụ cận đã được thu gom đưa về lò đốt rác của xã.

- Môi trường quan của dự án với các đối tượng xung quanh:

+ Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư gần nhất:

Qua công tác khảo sát cho thấy phía Tây cách dự án khoảng 10 m là khu dân cư hiện có của thôn An Cơ Bắc, cách dự án khoảng 645m là UBND xã Bình Nguyên, phía Bắc cách dự án khoảng 90m là khu dân cư thôn Phú Mãn, xã Bình Nguyên. Các hộ dân gần khu vực thực hiện dự án là các khu dân cư chủ yếu làm nông nghiệp, chăn nuôi hộ gia đình, công nhân và kinh doanh nhỏ lẻ. Nhà cửa trong thôn bố trí tương đối dày, chủ yếu là công trình xây dựng cao 1 - 3 tầng đã xây dựng và đang hoạt động.

Khoảng cách từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án đến khu dân cư gần nhất hiện có về phía Đông Bắc là 288m, đáp ứng QCVN 01:2025/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:

a) Sông suối, ao hồ

Xung quanh khu vực thực hiện dự án có hệ thống kênh mương nội đồng. Đây là hệ thống kênh mương nội đồng đã có phục vụ tưới tiêu nông nghiệp trong khu vực từ trước.

b) Các điểm văn hoá, di tích lịch sử và các công trình tôn giáo, tín ngưỡng

+ Khu vực bảo tồn: Qua khảo sát các đối tượng tự nhiên trong khu vực cho thấy trong bán kính 2 km từ vị trí dự án không có bất kỳ khu vực bảo tồn nào.

+ Các trung tâm văn hóa: Qua khảo sát các đối tượng trong khu vực cho thấy trong bán kính 800m về phía Đông có Đài tưởng niệm dân quân du kích, 200m về phía Tây là công viên Thanh Tân.

2.2. Các tác động môi trường của dự án đầu tư:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh	Đối tượng bị tác động
Thi công xây dựng	- GPMB; - San nền; - Xây dựng các công trình: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, thoát nước mưa, thoát nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung, cây xanh.	- Bụi trong quá trình san nền, phá dỡ; - Bụi, khí thải, tiếng ồn do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải rắn đổ thải; - Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công và các thiết bị thi công; - Nước thải xây dựng; - Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật, nạo vét, phá dỡ, thi công xây dựng; - Chất thải nguy hại;	- Môi trường không khí, đất, nước; - Dân cư xung quanh dự án; - Công nhân thi công xây dựng.
	- Sinh hoạt của công nhân xây dựng	- Nước thải sinh hoạt; - Chất thải rắn sinh hoạt.	- Môi trường nước; - Dân cư xung quanh dự án.
	- Nước mưa	- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.	- Môi trường đất, nước.
Vận hành	- Hoạt động của phương tiện giao thông.	- Bụi, khí thải, tiếng ồn - Chất thải nguy hại	- Môi trường không khí.
	- Hoạt động sản xuất của các đơn vị thứ cấp đầu tư vào CCN	- Nước thải sinh hoạt; Nước thải sản xuất - Chất thải rắn sinh hoạt; - Chất thải nguy hại. - Chất thải công nghiệp thông thường.	- Môi trường nước, đất - Hệ thống thoát nước khu vực
	- Hoạt động quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình	- Bùn thải; mùi hôi từ trạm xử lý nước thải	- Môi trường không khí xung quanh (do ảnh hưởng của mùi hôi); - Phát sinh bùn thải từ hệ thống xử lý
	- Nước mưa	- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.	- Môi trường đất, nước.

a. Các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành:

• *Nước thải, khí thải:*

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng, dưỡng hồ bê tông, làm mát thiết bị, rửa cốt liệu, rửa xe... giai đoạn I khoảng 13,84 m³/ngày, giai đoạn II khoảng 29,68 m³/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ; Nước thải sinh hoạt giai đoạn I khoảng 4,5 m³/ngày, giai đoạn II khoảng 6,75 m³/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, amoni, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, tổng photpho, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp, cơ sở (phần hiện trạng); Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN (phần mở rộng); Nước thải từ khu nhà điều hành; Nước thải từ trạm xử lý nước thải tập trung CCN với lưu lượng giai đoạn I khoảng 372,68 m³/ngày đêm, giai đoạn II khoảng 641,55 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, amoni, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, tổng photpho, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình quá dỡ công trình hiện có, san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển nguyên liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong Cụm công nghiệp, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

• *Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn xây dựng: giai đoạn I khoảng 50 kg/ngày đêm, giai đoạn II khoảng 75 kg/ngày.

+ Giai đoạn vận hành:

Chất thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp: giai đoạn I khoảng 1.931 kg/ngày, giai đoạn II khoảng 3.975 kg/ngày.

Chất thải phát sinh từ khu nhà điều hành CCN: giai đoạn I khoảng 9 kg/ngày, giai đoạn II khoảng 9 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải thi công xây dựng giai đoạn I khoảng 215,84 tấn, giai đoạn II khoảng 387,21 tấn; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng giai đoạn I khoảng 37,49 tấn, giai đoạn II khoảng 82,18 tấn; đất thải từ

hoạt động bóc tách lớp hữu cơ bề mặt giai đoạn I khoảng 4.361,34 tấn, giai đoạn II khoảng 119.158,6 tấn; chất thải rắn xây dựng từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng giai đoạn I khoảng 237,12 tấn, giai đoạn II khoảng 14.643,12 tấn.

+ Giai đoạn vận hành:

Đối với doanh nghiệp thứ cấp: Chất thải phát sinh giai đoạn I khoảng 226.321,7 kg/năm; giai đoạn II khoảng 498.064,3 kg/năm, chất thải phát sinh bao gồm vải vụn, giấy, bìa carton, tro bụi, sản phẩm lỗi hỏng, phế liệu thải, bao bì thải....

Đối với chất thải phát sinh từ CCN: Bùn cặn từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa giai đoạn I khoảng 3.399 kg/năm, giai đoạn II khoảng 6.998,2 kg/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh giai đoạn I khoảng 35,7 kg/tháng, giai đoạn II khoảng 47,6 kg/tháng, bao gồm: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, pin thải, ắc quy thải.....

+ Giai đoạn vận hành:

Đối với doanh nghiệp thứ cấp: Chất thải phát sinh giai đoạn I khoảng 22.632,48 kg/năm; giai đoạn II khoảng 49.804,56 kg/năm, bao gồm Dầu thải, giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy, vỏ hộp sơn, vỏ hộp đựng hóa chất, bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in thải...

Đối với chất thải phát sinh từ trạm XLNT tập trung CCN: Chất thải phát sinh giai đoạn I khoảng 15.192,5 kg/năm, giai đoạn II khoảng 25.538,42 kg/năm bao gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu, bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung, bao bì chứa hóa chất.

b. Các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành:

• *Tiếng ồn, độ rung:*

- Giai đoạn xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy xúc, máy ủi, máy cày, xe tải nặng, máy khoan, máy ép cọc,....và hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thiết bị từ các dự án thứ cấp; Hoạt động máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN; Hoạt động máy móc, thiết bị khu xử lý nước thải.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp thu gom, xử lý nước thải:*

- Giai đoạn xây dựng:

Nước thải từ khu vực rửa xe, vệ sinh máy móc thiết bị được thu gom, xử lý bằng 04 hố lắng dung tích $2,54 \text{ m}^3/\text{hố}$, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho thi công, xây dựng; Nước thải sinh hoạt: Sử dụng 06 nhà vệ sinh di động 2 buồng, bồn chứa nước $2,5 \text{ m}^3$, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa từ các doanh nghiệp rơi trên lưu vực được chảy xuống mặt đường, theo độ dốc ngang mặt đường thu về các hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, thoát nước mưa của CCN. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của CCN được xây dựng dưới vỉa hè và đồng bộ với tuyến đường giao thông. Sử dụng cống hộp BTCT kích thước B800 x H1000, B600 x H800. Trên đường thoát nước mưa bố trí các hố ga thu gom. Sau đó nước mưa chảy tràn được thoát ra kênh T7 qua 01 cửa xả.

+ Hệ thống thu gom nước thải được phân dòng và tách riêng với nước mưa chảy tràn. Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp, cơ sở (phần hiện trạng) đã được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải; Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN (phần mở rộng) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối; Nước thải từ khu nhà điều hành; Nước thải từ trạm xử lý nước thải tập trung CCN. Tổng lượng nước thải phát sinh giai đoạn I khoảng $372,68 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, được thu gom theo các đường ống cống D300 dài 600m, D400 dài 2.000m, độ dốc $i=0,15\%$ và 300 hố ga; Nước thải phát sinh giai đoạn II khoảng $641,55 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ được thu gom bằng hệ thống cống D300 dài 1.400 m; cống D400 dài 3.000 m, độ dốc $i=0,15\%$, và 700 hố ga dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung CCN, xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT Cột A giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý được chảy theo đường cống D400 thoát ra kênh T7 có tọa độ (m) = 3360524.11, Y(m) = 597062.54 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

Quy trình xử lý: Nước thải từ CCN → Bể gom → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể khuấy trộn A/Bể khuấy trộn B → Bể đông tụ A/Bể đông tụ B → Bể keo tụ A/Bể keo tụ B → Bể lắng sơ cấp A/Bể lắng sơ cấp B → Bể anoxi A/Bể

anoxic B → Bể MBBR (Biochip) A/ Bể MBBR (Biochip) B → Bể Aeroten A/Bể Aeroten B → Bể lắng thứ cấp A/Bể lắng thứ cấp B → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận (kênh T7).

- *Biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:*

- Giai đoạn xây dựng: Lắp đặt hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm, không sử dụng máy móc cũ lạc hậu; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải... không để rơi vãi, thu gom đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công, phun nước giảm bụi, bố trí cầu rửa xe; sử dụng xe chuyên dụng để hút bụi khi thi công đường giao thông nội bộ.

- Giai đoạn vận hành:

Đối với các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN: Bụi, khí thải phát sinh tại mỗi doanh nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo thủ tục môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Đối với trạm XLNT tập trung CCN: Trồng cây xanh xung quanh các công trình, trạm xử lý nước thải và dọc theo các tuyến đường giao thông.

- *Biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- * *Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường:*

- Giai đoạn xây dựng:

- + Chất thải rắn xây dựng: Lốp đất bóc tách bề mặt được thu gom, tận dụng để trồng cây xanh, phần còn lại được tận dụng san nền đường giao thông ở dải phân cách các tuyến đường; chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, tập kết tạm thời trong khu vực dự án, một phần được tận dụng san lấp mặt bằng, phần còn lại hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- + Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện công tác phân loại tại nguồn; thu gom vào các thùng chứa, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

- + Chất thải rắn sinh hoạt:

Đối với các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN: Các doanh nghiệp tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm về việc thu gom, quản lý chất thải sinh hoạt phát sinh tại doanh nghiệp của mình theo quy định tại Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Đối với Nhà điều hành CCN: Chất thải được phân loại vào thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

+ Chất thải công nghiệp thông thường:

Đối với các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN: Do CCN không quy hoạch khu lưu giữ tạm thời CTR tập trung, do vậy CTRCNTT phát sinh tại từng doanh nghiệp phải tự thực hiện việc thu gom, quản lý và ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Đối với chất thải phát sinh từ CCN: Cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa được đơn vị quản lý vận hành hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, không thực hiện lưu giữ tại dự án.

** Đối với chất thải nguy hại:*

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí kho lưu chứa diện tích 10 m², tường và cửa kiên cố, nền trải bạt HDPE chống thấm; sử dụng các thùng chứa có nắp đậy, dung tích 150 lít/thùng; định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành:

Đối với các doanh nghiệp thứ cấp: Các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN tự chịu trách nhiệm với các loại chất thải phát sinh của nhà máy, cụ thể: Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn; Thu gom, lưu giữ và Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Đối với Trạm xử lý nước thải tập trung: Chất thải phát sinh được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng, lưu giữ tại kho lưu giữ CTNH; Bùn thải phát sinh được lưu giữ tại khu vực ép bùn; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành:

• *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:*

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc thi công bảo đảm về tiếng ồn, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục phát sinh tiếng ồn, độ rung vào ban đêm, hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành:

Đối với các doanh nghiệp thứ cấp: Các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN tự chịu trách nhiệm về tiếng ồn, độ rung và thực hiện các thủ tục môi trường theo quy định.

Đối với Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN: Trồng cây xanh xung quanh dự án; Máy phát điện dự phòng được đặt trong nhà kín riêng biệt.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Quan trắc môi trường không khí xung quanh:

+ Số điểm: 02 điểm;

+ Vị trí quan trắc: Đầu và cuối hướng gió chính khu đất thực hiện dự án;

+ Tần suất quan trắc: Khi có kiến nghị của người dân;

+ Thông số quan trắc: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung;

+ Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- Giám sát chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

b. Giai đoạn vận hành:

b1. Quan trắc nước thải:

• Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Vị trí giám sát: Trước và sau hệ thống xử lý.

- Tần suất: Theo điểm a khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ 03 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố đối với các thông số: Nhiệt độ, pH, Màu, COD, BOD₅, TSS, Asen, Thủy Ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI),

Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng Phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni (tính theo N), Tổng Nito, Tổng Photpho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .

+1 năm/lần đối với các thông số: Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, Tổng PCB.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C ($K_q = 1,2$; $K_f = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: 01 mẫu nước thải tại Tại mương quan trắc sau hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng nước thải đầu vào, lưu lượng nước thải đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất: Tự động, liên tục

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A giá trị C_{max} ($K_q = 1,2$; $K_f = 1,0$).

Sau khi trạm quan trắc tự động được lắp đặt hoàn thiện, Chủ đầu tư sẽ gửi hồ sơ về Sở nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên để xin chấp thuận đầu nối đường truyền dữ liệu, kết nối về Sở nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên để theo dõi và giám sát.

b2. Quan trắc bụi, khí thải:

Trong quá trình vận hành dự án, trách nhiệm thuộc về các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN có phát sinh bụi, khí thải. Chương trình quan trắc được nêu rõ trong thủ tục môi trường khi thực hiện dự án đầu tư thứ cấp.

b3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Đối với các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN: Các doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm thu gom, quản lý, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải phát sinh từ khu điều hành, trạm XLNT tập trung CCN: Chủ dự án có trách nhiệm thu gom, quản lý, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Xác định tính nguy hại của bùn thải:

- + Vị trí: Tại bể chứa bùn của dự án

+ Thông số quan trắc: As, Ba, Ag, Cd, Pb, Co, Zn, Ni, Se, Hg, Cr⁶⁺, tổng CN⁻, tổng dầu, Phenol, Benzen.

+ Quy chuẩn so sánh: Bảng 1, QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

Trường hợp nồng độ các thông số phân tích vượt ngưỡng giới hạn quy chuẩn cho phép thì bùn thải được xác định là CTNH và được quản lý theo các quy định về CTNH; còn nếu các giá trị phân tích này thấp hơn ngưỡng giới hạn quy chuẩn cho phép thì được quản lý như các loại chất thải rắn thông thường khác.

2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sự cố về thu gom, xử lý nước thải:

+ Sắp xếp đồ dùng, vật dụng đúng nơi quy định trong buồng vệ sinh. Bố trí khay đựng đồ tránh vật lạ rơi vào bồn cầu.

+ Thông hút bể phốt đúng lịch 3 ngày/lần, theo thỏa thuận đã ký với đơn vị thu gom, xử lý.

+ Lập nội quy sử dụng nhà vệ sinh, tuyên truyền với công nhân có ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường.

+ Bố trí sọt rác trong buồng vệ sinh, nghiêm cấm hành vi bỏ giấy vào bồn cầu.

+ Bố trí lưới chắn rác để thu gom triệt để vật liệu xây dựng trước khi chảy vào dòng chảy để cuối ngày vận chuyển đến nơi chứa chất thải thi công.

+ Thường xuyên hút cặn dưới đáy bể lắng nước thải thi công.

- Sự cố về khu lưu giữ CTNH:

+ Các thùng chứa CTNH có nắp đậy kín, bao bì đựng được đóng kín.

+ Thường xuyên thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo thời gian quy định hoặc khi thùng chứa không có khả năng sử dụng.

+ Sắp xếp gọn gàng khu lưu giữ CTNH. Quy định nội quy rõ ràng, phân loại chất thải theo quy định, có ký hiệu, hình ảnh minh họa rõ ràng, khu lưu giữ được lắp đặt khép kín, có biển báo cụ thể.

+ Vị trí đặt khu lưu giữ CTNH có địa hình cao, bằng phẳng.

b. Giai đoạn vận hành:

* *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan đến bụi, khí thải:*

- Các dự án trong CCN có phát sinh bụi, khí thải cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý. Khi phát hiện sự cố phải dừng các công đoạn sản xuất cps phát sinh khí thải để chờ khắc phục hệ thống; đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt quy chuẩn về khí thải công nghiệp; không gây ô nhiễm môi trường không khí khu vực và không ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động.

** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố liên quan đến trạm xử lý nước thải tập trung:*

- Đối với hệ thống thu gom nước thải:

+ Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên liên tục trên toàn hệ thống thu gom, phát hiện sự cố sớm, kịp thời để có biện pháp khắc phục;

+ Duy tu bảo dưỡng hệ thống bơm tại các trạm bơm thu gom trung chuyển định kỳ hàng tháng, hàng quý. Đảm bảo các máy móc thiết bị hoạt động trong tình trạng tốt, ổn định;

+ Tăng cường công tác kiểm tra tại các điểm đầu nối của các công ty, các công ty xả thải phải qua xử lý sơ bộ, có lưới lọc tách rác...đảm bảo nước thải không chứa vẩn rác đi vào hệ thống thu gom chung.

- Đối với trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Hồ sự cố có thể tích là 2.711,88 m³, có thể lưu chứa nước thải trong khoảng 2,2 ngày.

Sau khi đã khắc phục xong sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

+ Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép, sẽ thực hiện đóng van xả nước thải ra nguồn tiếp nhận kênh T7, đồng thời mở van dẫn nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn về bể gom để xử lý.

+ Trường hợp tạm dừng để duy tu, bảo trì, nước thải được đưa về hồ sự cố. Sau khi bảo trì xong thì nước thải được đưa về bể gom nước thải để xử lý;

+ Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc nước tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

+ Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

2.5. Các nội dung khác:

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản chôn lấp chất thải, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Dự án không thuộc dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

3. Cam kết của chủ dự án:

- Cam kết về thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Cam kết về tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
QH LAND THÁI BÌNH**



GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Cường